

Số: 49/2022/QĐST- HNGĐ

Văn Giang, ngày 20 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: ông Dương Anh V, SN 1975.

Trú tại: thôn D, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh N, SN 1980.

Địa chỉ: Số 34 Khu P, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Cháu Dương Đức T, SN 15/02/2008

Người đại diện theo pháp luật của cháu Tiệp: bà Nguyễn Thị Thanh N (mẹ đẻ).

Đều trú tại: Số 34 Khu P, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2/ Bà Phạm Thị N, SN 1963

3/ Ông Lý Xuân Đ, SN 1955.

Đều trú tại: thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

4/ Ông Nguyễn Văn A, SN 1955.

Trú tại: thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Dương Anh V và bà Nguyễn Thị Thanh N.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** ông Dương Anh V và bà Nguyễn Thị Thanh N đều thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** ông Dương Anh V và bà Nguyễn Thị Thanh N đều xác nhận, ông bà có 02 con chung là cháu Dương Đức A, sinh ngày 21/12/2003 và Dương Đức T, sinh ngày 15/02/2008. Ly hôn ông Dương Anh V và bà Nguyễn Thị Thanh N thỏa thuận giao cháu Dương Đức T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tiếp thành niên. Ông Dương Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Dương Đức Anh đã thành niên nên ông V, bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung:** Ông Dương Anh V và bà Nguyễn Thị Thanh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Các đương sự đều xác nhận ông Dương Anh V và bà Nguyễn Thị Thanh N có nợ chung gồm:

+ Nợ vợ chồng ông Lý Xuân Đ và bà Phạm Thị N ở thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

+ Nợ ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1955, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Ông Dương Anh V và bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Đ, bà N, ông A thỏa thuận: Ông Dương Anh V phải có trách nhiệm trả vợ chồng ông Lý Xuân Đ, bà Phạm Thị N số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Ông V có trách nhiệm trả vợ chồng Đ, bà N làm hai đợt, cụ thể đợt 1 vào ngày 25/12/2022 ông V trả vợ chồng ông Đ, bà N 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), đợt hai vào ngày 25/12/2023 ông V phải có trách nhiệm trả số còn lại 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Thanh N có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn A số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) làm 02 đợt, cụ thể: đợt 1 vào ngày 25/12/2022 trả 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), đợt hai vào ngày 25/12/2023 trả 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về án phí:** Ông Dương Anh V tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí dân sự: Các đương sự thỏa thuận ông V, bà N phải chịu án phí đối với tỷ lệ số nợ mỗi bên có trách nhiệm trả. Như vậy, ông Dương Anh V phải chịu 6.922.500đ (Sáu triệu chín trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010572 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hưng Yên. Ông V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm còn thừa, ông V còn phải chịu 6.772.500 đồng (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 8.077.500đ (Tám triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010580 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 9.922.500đ (Chín triệu chín trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang;
- UBND xã C, huyện V (Đăng ký số 10/2003, Quyển số 01/2003).
- THADS huyện Văn Giang;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Miện